TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG NÔNG NGHIỆP
PHÒNG NGHIỆP VỤ - KỸ THUẬT
Điện thoại: 0916.547.271 Email: kythuatcln@gmail.com

Số: 26/KQ.1541
Ký hiệu mẫu: 10.26.BM.03

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

1. Tên Trạm cấp nước/khách hàng: Nhà máy nước khu công nghiệp Bảo Minh
2. Địa chỉ: Lô NMN, đường D3 KCN Bảo Minh, phường Trường Thi, tỉnh Ninh Bình
3. Loại mẫu: Nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Vị trí lấy mẫu: Mẫu lấy tại đầu vòi nước sạch tại Công ty TNHH Smart Shirt - Lô G1 và 1 phần các lô G2, G3, G7, G8, KCN Bảo Minh, phường Trường Thi, tỉnh Ninh Bình, đựng mẫu bằng chai.
6. Ngày lấy/nhận mẫu: *29/10/2026*
7. Thời gian thử nghiệm: *29/10/2026-16/11/2026*
8. Kết quả thử nghiệm:

TT /No	*Tên chỉ tiêu/ Characteristic*	*PP thử nghiệm Test method*	*Đơn vị/ unit*	**Giới hạn tối đa cho phép theo** *(QCVN 01- 1:2024/ BYT*	*Kết quả thử nghiệm /Result*
1	Độ màu	TCVN 6185:2015	TCU	15	<1,5
2	Độ đục	TCVN 12402-1:2020	NTU	2	1
3	pH	TCVN 6492: 2011	-	6,0 - 8,5	7,81
4	Mùi vị	SOP.PP14:2025	-	Không có mùi lạ	Không mùi vị lạ
5	Clo dư	HACH 8021:2011	mg/L	0,2 - 1,0	0,79
6	Amoni (tính theo N)*	TCVN 6179-1:1996	mg/L	1	<0,025
7	Chỉ số Pecmangannat	TCVN 6186:1996	mg/L	2	1,31
8	Asen**	US EPA 6020B: 2014	mg/L	0,01	0,0016
9	Coliform tổng số*	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	<1	KPH
10	E.coli*	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	< 1	KPH

Ninh Bình, ngày 16 tháng 11 năm 2026

PHÒNG NGHIỆP VỤ - KỸ THUẬT
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM **TRƯỞNG PHÒNG**

Nguyễn Thị Huệ **Dương Hồng Phú**

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH NINH BÌNH
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG NÔNG NGHIỆP

Nguyễn Hữu Thạch

Ghi chú:
1. Giới hạn tối đa cho phép theo QCVN 01-1:2024/BYT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt của Bộ Y tế.
*2. Dấu " * " là những chỉ tiêu chưa được công nhận Vilas; Dấu "**" là chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện.*
3. Giới hạn phát hiện của các chỉ tiêu: độ đục là 0,1NTU; Màu sắc 1,5TCU; Amoni là 0,025mg/l; Permanganat là 0,2mg/l
4. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
5. Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý của Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường tỉnh Ninh Bình.
6. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
7. Không nhận thử nghiệm lại trong trường hợp hết thời hạn lưu mẫu theo quy định của Phòng thí nghiệm.

TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG NÔNG NGHIỆP
PHÒNG NGHIỆP VỤ - KỸ THUẬT
Điện thoại: 0916.547.271 Email: kythuatcln@gmail.com

Số: 26/KQ.1540
Ký hiệu mẫu: 10.26.BM.02

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

1. Tên Trạm cấp nước/khách hàng: Nhà máy nước khu công nghiệp Bảo Minh
2. Địa chỉ: Lô NMN, đường D3 KCN Bảo Minh, phường Trường Thi, tỉnh Ninh Bình
3. Loại mẫu: Nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Vị trí lấy mẫu: Mẫu lấy tại đầu vòi nước sạch tại Nhà điều hành KCN Bảo Minh - Lô L2, đường D1 KCN Bảo Minh, phường Trường Thi, tỉnh Ninh Bình, đựng mẫu bằng chai.
6. Ngày lấy/nhận mẫu: *29/10/2026*
7. Thời gian thử nghiệm: *29/10/2026-16/11/2026*
8. Kết quả thử nghiệm:

TT /No	*Tên chỉ tiêu/ Characteristic*	*PP thử nghiệm Test method*	*Đơn vị/ unit*	**Giới hạn tối đa cho phép theo** *(QCVN 01-1:2024/BYT*	*Kết quả thử nghiệm /Result*
1	Độ màu	TCVN 6185:2015	TCU	15	<1,5
2	Độ đục	TCVN 12402-1:2020	NTU	2	0,56
3	pH	TCVN 6492: 2011	-	6,0 - 8,5	7,84
4	Mùi vị	SOP.PP14:2025	-	Không có mùi lạ	Không mùi vị lạ
5	Clo dư	HACH 8021:2011	mg/L	0,2 - 1,0	0,46
6	Amoni (tính theo N)*	TCVN 6179-1:1996	mg/L	1	<0,025
7	Chỉ số Pecmangannat	TCVN 6186:1996	mg/L	2	1,47
8	Asen**	US EPA 6020B: 2014	mg/L	0,01	0,0022
9	Coliform tổng số•	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	<1	KPH
10	E.coli•	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	< 1	KPH

Ninh Bình, ngày 16 tháng 11 năm 2026

PHÒNG NGHIỆP VỤ - KỸ THUẬT
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM

Nguyễn Thị Huệ

TRƯỞNG PHÒNG

Dương Hồng Phú

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH NINH BÌNH
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG NÔNG NGHIỆP

Nguyễn Hữu Thạch

Ghi chú:
1. Giới hạn tối đa cho phép theo QCVN 01-1:2024/BYT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt của Bộ Y tế.
*2. Dấu " *" là những chỉ tiêu chưa được công nhận Vilas; Dấu "**" là chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện.*
3. Giới hạn phát hiện của các chỉ tiêu: độ đục là 0,1NTU; Màu sắc 1,5TCU; Amoni là 0,025mg/l; Permanganat là 0,2mg/l
4. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
5. Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý của Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường tỉnh Ninh Bình.
6. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
7. Không nhận thử nghiệm lại trong trường hợp hết thời hạn lưu mẫu theo quy định của Phòng thí nghiệm.

TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG NÔNG NGHIỆP
PHÒNG NGHIỆP VỤ - KỸ THUẬT
Điện thoại: 0916.547.271 Email: kythuatcln@gmail.com

Số: 26/KQ.1539
Ký hiệu mẫu: 10.26.BM.01

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

VILAS 1184

1. Tên Trạm cấp nước/khách hàng: Nhà máy nước khu công nghiệp Bảo Minh
2. Địa chỉ: Lô NMN, đường D3 KCN Bảo Minh, phường Trường Thi, tỉnh Ninh Bình
3. Loại mẫu: Nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Vị trí lấy mẫu: Mẫu lấy tại đầu vòi sau bể chứa nước thành phẩm tại nhà máy nước khu công nghiệp Bảo Minh - Lô NMN, đường D3 KCN Bảo Minh, phường Trường Thi, tỉnh Ninh Bình, đựng mẫu bằng chai.
6. Ngày lấy/nhận mẫu: *29/10/2026*
7. Thời gian thử nghiệm: *29/10/2026-16/11/2026*
8. Kết quả thử nghiệm:

TT /No	*Tên chỉ tiêu/ Characteristic*	*PP thử nghiệm Test method*	*Đơn vị/ unit*	Giới hạn tối đa cho phép theo *(QCVN 01-1:2024/BYT*	*Kết quả thử nghiệm /Result*
1	Độ màu	TCVN 6185:2015	TCU	15	<1,5
2	Độ đục	TCVN 12402-1:2020	NTU	2	0,58
3	pH	TCVN 6492: 2011	-	6,0 - 8,5	7,97
4	Mùi vị	SOP.PP14:2025	-	Không có mùi lạ	Không mùi vị lạ
5	Clo dư	HACH 8021:2011	mg/L	0,2 - 1,0	0,94
6	Amoni (tính theo N)*	TCVN 6179-1:1996	mg/L	1	<0,025
7	Chỉ số Pecmangannat	TCVN 6186:1996	mg/L	2	1,31
8	Asen**	US EPA 6020B: 2014	mg/L	0,01	0,0014
9	Coliform tổng số*	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	<1	KPH
10	E.coli*	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	< 1	KPH

Ninh Bình, ngày 16 tháng 11 năm 2026

PHÒNG NGHIỆP VỤ - KỸ THUẬT
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM

Nguyễn Thị Huệ

TRƯỞNG PHÒNG

Dương Hồng Phú

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH NINH BÌNH
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG NÔNG NGHIỆP

Nguyễn Hữu Thạch

Ghi chú:
1. Giới hạn tối đa cho phép theo QCVN 01-1:2024/BYT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt của Bộ Y tế.
*2. Dấu " * " là những chỉ tiêu chưa được công nhận Vilas; Dấu "**" là chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện.*
3. Giới hạn phát hiện của các chỉ tiêu: độ đục là 0,1NTU; Màu sắc 1,5TCU; Amoni là 0,025mg/l; Permanganat là 0,2mg/l
4. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
5. Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý của Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường tỉnh Ninh Bình.
6. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
7. Không nhận thử nghiệm lại trong trường hợp hết thời hạn lưu mẫu theo quy định của Phòng thí nghiệm.

TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG NÔNG NGHIỆP
PHÒNG NGHIỆP VỤ - KỸ THUẬT
Điện thoại: 0916.547.271 Email: kythuatcln@gmail.com

Số: 26/KQ.1542
Ký hiệu mẫu: 10.26.BM.04

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

1. Tên Trạm cấp nước/khách hàng: Nhà máy nước khu công nghiệp Bảo Minh
2. Địa chỉ: Lô NMN, đường D3 KCN Bảo Minh, phường Trường Thi, tỉnh Ninh Bình
3. Loại mẫu: Nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Vị trí lấy mẫu: Mẫu lấy tại đầu vòi nước sạch tại Nhà máy xử lý nước thải KCN Bảo Minh, Lô HTKT, đường D6B, KCN Bảo Minh, phường Trường Thi, tỉnh Ninh Bình, đựng mẫu bằng chai.
6. Ngày lấy/nhận mẫu: *29/10/2026*
7. Thời gian thử nghiệm: *29/10/2026-16/11/2026*
8. Kết quả thử nghiệm:

TT /No	*Tên chỉ tiêu/ Characteristic*	*PP thử nghiệm Test method*	*Đơn vị/ unit*	Giới hạn tối đa cho phép theo *(QCVN 01-1:2024/ BYT*	*Kết quả thử nghiệm /Result*
1	Độ màu	TCVN 6185:2015	TCU	15	<1,5
2	Độ đục	TCVN 12402-1:2020	NTU	2	0,49
3	pH	TCVN 6492: 2011	-	6,0 - 8,5	7,81
4	Mùi vị	SOP.PP14:2025	-	Không có mùi lạ	Không mùi vị lạ
5	Clo dư	HACH 8021:2011	mg/L	0,2 - 1,0	0,48
6	Amoni (tính theo N)*	TCVN 6179-1:1996	mg/L	1	<0,025
7	Chỉ số Pecmangannat	TCVN 6186:1996	mg/L	2	1,47
8	Asen**	US EPA 6020B: 2014	mg/L	0,01	0,0019
9	Coliform tổng số*	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	<1	KPH
10	E.coli*	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	< 1	KPH

Ninh Bình, ngày 16 tháng 11 năm 2026

PHÒNG NGHIỆP VỤ - KỸ THUẬT
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM **TRƯỞNG PHÒNG**

Nguyễn Thị Huệ **Dương Hồng Phú**

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH NINH BÌNH
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG NÔNG NGHIỆP

Nguyễn Hữu Thạch

Ghi chú:
1. Giới hạn tối đa cho phép theo QCVN 01-1:2024/BYT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt của Bộ Y tế.
*2. Dấu " *" là những chỉ tiêu chưa được công nhận Vilas; Dấu "**" là chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện.*
3. Giới hạn phát hiện của các chỉ tiêu: độ đục là 0,1NTU; Màu sắc 1,5TCU; Amoni là 0,025mg/l; Permanganat là 0,2mg/l
4. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
5. Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý của Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường tỉnh Ninh Bình.
6. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
7. Không nhận thử nghiệm lại trong trường hợp hết thời hạn lưu mẫu theo quy định của Phòng thí nghiệm.